

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2016/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 13 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CÔNG VĂN BẢN SỐ 68
Ngày 13 tháng 01 năm 2016

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;
Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 29/10/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước;
Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/09/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 331/TTr-STNMT ngày 30 tháng 9 năm 2015; Tờ trình số 475/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 và thay thế Quyết định số 44/2007/QĐ-UBND ngày 15/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nơi nhận: *U*

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.Tg 50

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị
Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02./2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tài nguyên nước được đề cập trong quy định này gồm nước mặt (ao, hồ, sông, suối, khe, kênh, rạch, đầm ...), nước mưa, nước dưới đất (trừ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Thực hiện và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các công việc sau:

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

3. Kinh phí điều tra cơ bản tài nguyên nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm lập, phê duyệt, công bố quy hoạch tài nguyên nước

1. UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh.

3. Căn cứ quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt, các sở, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của mình cho phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt.

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước đối với phần nội dung công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 5. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh;

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tích hợp, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Các sở, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 6. Quan trắc, giám sát tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có trách nhiệm quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước và xả nước thải của mình theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức điều tra, xác định các nguồn nước phải lập danh mục hành

lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện, tham mưu cho UBND tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

b) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

3. Bảo đảm nước sinh hoạt và sản xuất trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh, cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước. Chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện xác định các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và các vùng trọng điểm bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh, đề phòng lũ quét, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch về nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

Điều 8. Trách nhiệm khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác trên sông, suối; công bố danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

2. Công bố danh mục hồ, ao, đầm, không được san lấp.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành và UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao, đầm, sông, suối, nguồn nước khác không được san lấp.

3. Đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình như: kho bãi, bến, cầu, đường giao thông, các công trình ngầm, công trình kết cấu hạ tầng khác...; các hoạt động khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ không được gây sạt, lở, làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Công tác trám lấp giếng không sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện định kỳ 5 năm một lần tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. UBND cấp huyện hàng năm tổ chức theo dõi thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất và báo cáo kết quả về Sở tài nguyên Môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khoan, khảo sát địa chất công trình, thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản; xử lý nền móng công trình, tháo khô mỏ và các hoạt động khoan, đào khác phải thực hiện các biện pháp bảo vệ nước dưới đất, trám lấp giếng sau khi đã sử dụng xong hoặc bị hỏng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện việc trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn huy động khác.

5. Việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng thực hiện theo quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/09/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm lập, phê duyệt, khoanh định, công bố khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá, xác định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất sau khi có ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

2. Công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương, thông báo tới UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Điều 11. Thăm dò, hành nghề khoan nước dưới đất

1. Trước khi xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, chủ dự án phải thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước khi thi công.

2. Tổ chức, cá nhân thi công công trình thăm dò nước dưới đất phải đáp ứng đủ các điều kiện về hành nghề khoan nước dưới đất quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

3. Trong quá trình thăm dò, tổ chức, cá nhân thi công công trình thăm dò nước dưới đất có nghĩa vụ:

a) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình thăm dò;

b) Bảo đảm phòng, chống sụt, lún đất, xâm nhập mặn, ô nhiễm các tầng chứa nước;

c) Trám, lấp giếng hỏng hoặc không sử dụng sau khi kết thúc thăm dò;

d) Thực hiện các biện pháp khác để bảo vệ nước dưới đất, bảo vệ môi trường.

4. Không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

5. Hạn chế việc thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất ở các khu vực sau đây :

a) Khu vực có nguồn nước mặt có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước.

b) Khu vực có nguy cơ sụt, lún đất, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất; Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra.

c) Khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu;

d) Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra;

e) Khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác;

f) Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng.

6. Khai thác nước dưới đất trong một vùng không được vượt quá trữ lượng nước khai thác của vùng đó; khi nước dưới đất tại vùng khai thác đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác thì không được mở rộng quy mô khai thác, nếu chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nhân tạo.

Chương IV **CẤP PHÉP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG** **TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 12. Nguyên tắc cấp phép

Việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Cấp phép phải đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

2. Phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan, bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

3. Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt;

4. Phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt.

Điều 13. Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không phải xin phép

1. Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình.

2. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ và không phải là cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;

b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;

c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;

d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;

đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;

e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;

g) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

3. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;

4. Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

Điều 14. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, không phải đăng ký, không phải xin phép

1. Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá $0,1\text{m}^3/\text{giờ}$;

2. Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

3. Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50kw ;

4. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

5. Đối với công trình khai thác nước dưới đất bằng giếng khoan:

a) Khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học không nằm trong khu vực quy định tại Điều 15 của Quy định này và có chiều sâu nhỏ hơn hoặc bằng 20m .

b). Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm không nằm trong khu vực quy định tại Điều 15 của Quy định này và có chiều sâu nhỏ hơn hoặc bằng 20 mét.

6. Đối với công trình khai thác nước dưới đất đất bằng giếng đào, mạch lộ:

a) Khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học không nằm trong khu vực quy định tại Điều 15 của Quy định này.

b). Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm không nằm trong khu vực quy định tại Điều 15 của Quy định này.

Điều 15. Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Khu vực có mực nước dưới đất đã bị thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

2. Khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm ba (03) năm liên tục và có nguy cơ hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép;

3. Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu;

4. Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác;

5. Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng.

Điều 16. Đăng ký khai thác nước dưới đất

1. UBND cấp huyện tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất đối với trường hợp khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

2. UBND cấp xã tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất đối với trường hợp khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học.

3. Căn cứ khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất quy định tại Điều 15 của Quy định này. Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, buôn (sau đây gọi chung là tổ trưởng dân phố) thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn. Trình tự thủ

tục đăng ký khai thác nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình hoạt động tài nguyên nước của đơn vị và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Hằng năm, các sở, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn có trách nhiệm lập báo cáo tình hình khai thác sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước của mình và gửi Sở tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, theo dõi.

3. Nội dung báo cáo phải trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo lĩnh vực quản lý và trên từng địa bàn cụ thể. Nêu những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận các báo cáo của các sở, ngành và UBND cấp huyện và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ tài nguyên Môi trường trước 30/01 năm sau.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Lập kế hoạch quản lý, thông tin, tuyên truyền hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh nhằm quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước.

3. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương thông tin, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước, xây dựng, đề xuất phương án và triển khai thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra;

4. Hướng dẫn, tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng và trả lại giấy phép tài nguyên nước và lưu trữ hồ sơ theo sự phân cấp của UBND tỉnh;

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm về hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức việc điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước; lập quy hoạch, kế hoạch quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước tại địa

phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo của UBND tỉnh;

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong hoạt động khoan nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào tạo, tập huấn;

8. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường ở cấp huyện, cấp xã về công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Đoàn thể, chính quyền các cấp và cơ quan báo, đài trong tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về tài nguyên nước đến các tổ chức và cá nhân trong tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ngành và các đơn vị có liên quan

1. Sở Tài chính:

a) Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh; thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với biến động của thị trường.

2. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện quy định về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu vực nông thôn.

c) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ một cách tiết kiệm hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

d) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa thủy lợi, kế hoạch khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác nước trên sông theo quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

đ) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho ngành nông nghiệp, định kỳ hàng năm báo cáo cho UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước của ngành.

3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

b) Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

c) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, định kỳ hàng năm báo cáo cho UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ngành và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy, các công trình giao thông theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của tàu, thuyền trên các tuyến giao thông đường thủy để đảm bảo không gây sạt, lở bờ, bãi sông.

c) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho ngành giao thông vận tải, định kỳ hàng năm báo cáo cho UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước của ngành.

5. Sở Công thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và địa phương có liên quan kiểm tra việc vận hành các hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật.

b) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước từ các hồ đập thủy điện phục vụ phát điện, định kỳ hàng năm báo cáo cho UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước của ngành.

6. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương có liên quan giám sát chất lượng nguồn nước dùng cho sinh hoạt định kỳ theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Công bố những khu vực có chất lượng nguồn nước đảm bảo và không đảm bảo tiêu chuẩn dùng cho mục đích sinh hoạt.

b) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước của ngành hàng năm báo cáo cho UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước của ngành.

7. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk, Báo Đắk Lắk tổ chức tuyên truyền các văn bản, quy định của trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ngành và địa phương có liên quan thẩm định các đề tài nghiên cứu, các ứng dụng thành

tự khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

9. Cục Thuế tỉnh: Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, Luật Quản lý thuế và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Công an tỉnh chỉ đạo lực lượng cảnh sát môi trường tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trái phép trên địa bàn tỉnh.

11. Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và đầu tư xây dựng Đắc Lắc: Có trách nhiệm cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng khai thác nước dưới đất, mạng lưới cấp nước tập trung cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Chịu trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng và chất lượng nước cho các tổ chức, cá nhân tại những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

12. Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn tỉnh:

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng, tài liệu khí tượng thủy văn hiện có, các yếu tố khí tượng thủy văn được quan trắc, những điều kiện khí tượng thủy văn chủ yếu trong tỉnh.

b) Thông tin khí tượng thủy văn cần thiết phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về khí tượng thủy văn.

c) Định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả quan trắc khí tượng thủy văn và dự báo tình hình khí tượng thủy văn 10 ngày, tháng, quý, năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; giám sát việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra:

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: Nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ...

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn.

c) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông; chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở đề xuất UBND tỉnh các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục.

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

4. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

5. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng theo quy định.

6. Thực hiện việc đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tại địa phương.

7. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

8. Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu UBND tỉnh và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;
2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương;
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;
4. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong khu vực quy định tại Điều 15 của Quy định này thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định;
5. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hộ gia đình theo Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo UBND cấp huyện;
6. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; tham gia giám sát quá trình trám lấp của đơn vị thi công;
7. Định kỳ hằng năm báo cáo UBND huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
8. Tổ chức kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên phạm vi quản lý; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.
9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND cấp huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị
Phạm Ngọc Nghị